

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội; Nghị quyết số 114/NQ-CP ngày 29/4/2025 của Chính phủ; Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ; Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg ngày 10/11/2025 và Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg ngày 12/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 07/2026/TT-BVHTTDL ngày 06/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 75/2026/TT-BTC ngày 25/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh; trên cơ sở đề nghị tại Tờ trình số 5850/TTr-SVHTTDL ngày 14/8/2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung, nhiệm vụ của Chương trình năm 2026 trên địa bàn tỉnh; tạo căn cứ thống nhất để các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND các xã, phường chủ động tổ chức thực hiện ngay sau khi được giao kế hoạch vốn và dự toán ngân sách.

- Tập trung nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, khắc phục những hạn chế về thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa; nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của Nhân dân; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực, văn học nghệ thuật và công nghiệp văn hóa.

- Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, đơn vị sử dụng vốn và chính quyền địa phương; tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả và giải ngân kế hoạch vốn năm 2026.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung thành phần, phạm vi hỗ trợ của Chương trình; không trùng lặp đối tượng, nội dung, địa bàn với các chương trình, dự án, đề án khác sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phân biệt rõ Kế hoạch tổ chức thực hiện với quyết định giao dự toán, kế hoạch đầu tư công và phương án phân bổ vốn. Chỉ bố trí, giải ngân vốn cho nhiệm vụ, dự án sau khi đủ điều kiện theo pháp luật.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; ưu tiên nhiệm vụ hoàn thiện thủ tục, có khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2026; hạn chế dàn trải, manh mún, phát sinh nợ đọng.

- Thực hiện đầy đủ chế độ kiểm tra, giám sát, báo cáo; kịp thời rà soát, đề xuất điều chỉnh đối với nhiệm vụ chậm tiến độ, không còn nhu cầu hoặc không đủ khả năng thực hiện.

- Phấn đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao trong năm 2026; kịp thời rà soát, đề xuất điều chỉnh vốn từ nhiệm vụ, dự án chậm tiến độ hoặc không còn nhu cầu sang nhiệm vụ, dự án có khả năng thực hiện và giải ngân tốt theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2026

1. Mục tiêu

- Tổ chức triển khai đồng bộ các nội dung thành phần của Chương trình, ưu tiên các nhiệm vụ có khả năng tạo chuyển biến rõ nét ngay trong năm đầu thực hiện; từng bước hoàn thiện hạ tầng, thiết chế văn hóa, nâng cao chất lượng môi trường văn hóa, bảo tồn di sản và tăng khả năng tiếp cận, thụ hưởng văn hóa của Nhân dân; quan tâm xây dựng văn hóa gia đình, phát huy giá trị tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

- Hoàn thành việc giao chi tiết kế hoạch vốn, dự toán và danh mục nhiệm vụ, dự án năm 2026; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương được giao vốn ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể.

- Triển khai quy trình, thủ tục đầu tư, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các thiết chế văn hóa cấp tỉnh, thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở; bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; đồng thời mua sắm trang thiết bị, tổ chức hoạt động để phát huy hiệu quả công trình sau đầu tư.

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ bảo tồn, phục dựng lễ hội truyền thống, trao truyền kỹ năng, cách thức thực hành di sản văn hóa phi vật thể, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa, số hóa, xây dựng kế hoạch lập hồ sơ di sản văn hóa; phát triển văn học nghệ thuật, công nghiệp văn hóa, văn hóa đọc và giáo dục di sản văn hóa.

- Nâng cao năng lực quản lý, điều phối, kiểm tra, giám sát; tăng cường truyền thông về Chương trình, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về văn hóa.

2. Dự kiến nguồn vốn thực hiện

2.1. Ngân sách Trung ương

Theo Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ, tổng nguồn vốn ngân sách Trung ương giao thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa năm 2026 là 410.541 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư phát triển: 297.597 triệu đồng;

- Kinh phí thường xuyên: 112.944 triệu đồng.

2.2. Ngân sách đối ứng của địa phương

Theo rà soát của Sở Tài chính và quy định tại tiết b khoản 2 Điều 7 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg, Thanh Hóa là địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách nhà nước dưới 40%, do đó ngân sách địa phương phải bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 30% tổng chi ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

Với số vốn ngân sách trung ương được giao năm 2026 là 410.541 triệu đồng, mức đối ứng ngân sách địa phương tối thiểu là 123.162,3 triệu đồng, gồm: Vốn đầu tư công 89.279,1 triệu đồng và kinh phí thường xuyên 33.883,2 triệu đồng.

- Đối với vốn đầu tư công: Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 của HĐND tỉnh đã dự kiến vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương đối ứng cho các dự án thuộc Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 là 104.740 triệu đồng. Tuy nhiên, do vốn ngân sách trung ương năm 2026 được giao bổ sung sau thời điểm tỉnh quyết định và phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026, vì vậy hiện tại không còn nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương chưa phân bổ để bố trí ngay 89.279,1 triệu đồng đối ứng. Việc bố trí vốn đối ứng năm 2026 được thực hiện theo phương án điều chuyển kế hoạch vốn từ các dự án chậm giải ngân sang các dự án thuộc Chương trình đủ điều kiện bố trí vốn, trên cơ sở rà soát khả năng giải ngân và quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Đối với kinh phí thường xuyên: ngân sách tỉnh đã bố trí lồng ghép trong các chương trình, chính sách, nhiệm vụ phát triển văn hóa năm 2026 tại Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh và Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 20/4/2026 của UBND tỉnh với tổng kinh phí 101.061 triệu đồng (gồm: 28.118 triệu đồng tăng cường cơ sở vật chất ngành văn hóa; 900 triệu đồng cho trại sáng tác, hội thảo, tài trợ sáng tác, trao giải thưởng văn học nghệ thuật hằng năm, triển lãm mỹ thuật - ảnh; 72.043 triệu đồng sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tuyên truyền nhiệm vụ chính trị tỉnh Thanh Hóa). Mức bố trí này bảo đảm yêu cầu đối ứng kinh phí thường xuyên tối thiểu 33.883,2 triệu đồng theo quy định.

Việc xác định mức vốn đối ứng nêu trên là căn cứ xác định cơ cấu nguồn lực của Chương trình; việc bố trí, điều chỉnh, giao và sử dụng vốn đối ứng thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách, quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công.

2.3. Các nguồn vốn hợp pháp khác

Nguồn xã hội hóa, tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện và nguồn lồng ghép hợp pháp khác ngoài phần ngân sách địa phương đã xác định nêu trên; việc huy động, sử dụng phải bảo đảm tự nguyện, công khai, đúng quy định, không làm phát sinh nghĩa vụ đóng góp bắt buộc đối với Nhân dân.

Cơ cấu nguồn lực dự kiến tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch. Việc ghi trong Phụ lục I không thay thế quyết định giao dự toán, kế hoạch đầu tư công hoặc phương án phân bổ vốn của cấp có thẩm quyền.

3. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

3.1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và hoàn thiện cơ chế điều hành

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành Chương trình theo quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030.

- Hoàn thiện, ban hành hoặc tham mưu ban hành đầy đủ kế hoạch giai đoạn, kế hoạch năm, quyết định giao vốn, hướng dẫn lập hồ sơ, lựa chọn nhiệm vụ, dự án, chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát; kịp thời xử lý vướng mắc phát sinh.

- Rà soát địa bàn, đối tượng, nội dung hỗ trợ; bảo đảm thống nhất với Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện các cấp giai đoạn 2025 - 2030 và các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3.2. Phát triển con người Việt Nam có nhân cách, lối sống tốt đẹp

- Triển khai hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam; Bộ quy tắc ứng xử trong gia đình và Bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số.

- Tổ chức truyền thông, tập huấn về văn hóa ứng xử, giáo dục đạo đức, lối sống, phòng, chống bạo lực gia đình; tăng cường lồng ghép giáo dục bình đẳng giới, kỹ năng làm cha mẹ, giáo dục trẻ em trong môi trường số an toàn; tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện nếp sống văn hóa, văn hóa ứng xử và xây dựng văn hóa doanh nghiệp; xây dựng mô hình môi trường văn hóa lành mạnh tại cộng đồng, cơ quan, trường học, cơ sở y tế.

- Tăng cường trợ giúp pháp lý về văn hóa, hôn nhân và gia đình, chú trọng phụ nữ, trẻ em, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đối tượng yếu thế.

3.3. Xây dựng môi trường văn hóa; phát triển hạ tầng, cảnh quan và thiết chế văn hóa đồng bộ, hiệu quả

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa Nhà hát Lam Sơn; mua sắm trang thiết bị âm thanh, màn hình LED, phòng thu và trang thiết bị phục vụ hoạt động của thiết chế văn hóa cấp tỉnh theo danh mục được phê duyệt.

- Đầu tư xây mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các hợp phần của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, tổ dân phố; điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em; ưu tiên địa bàn khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, công trình có đủ thủ tục và khả năng hoàn thành, giải ngân trong năm.

- Mua sắm trang thiết bị hoạt động cho thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, câu lạc bộ, đội văn nghệ truyền thống và các giải thể thao phong trào; quan tâm tổ chức hoạt động văn

hóa, văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ đoàn viên, người lao động tại doanh nghiệp, khu công nghiệp, để nâng cao hiệu quả sử dụng thiết chế.

- Tổ chức Ngày hội Văn hóa các dân tộc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa nhân Ngày văn hóa Việt Nam 24/11; tổ chức các lớp truyền dạy văn hóa phi vật thể; bảo tồn, phục dựng lễ hội truyền thống; xây dựng và nhân rộng mô hình văn hóa cơ sở phù hợp.

3.4. Nâng cao hiệu quả thông tin, tuyên truyền và giáo dục văn hóa

- Sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình, phóng sự, phim, chuyên trang, chuyên mục; tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về phát triển văn hóa; đấu tranh, phản bác thông tin sai trái, độc hại, phản văn hóa.

- Triển khai Kế hoạch tuyên truyền, quảng bá về văn hóa, truyền thống lịch sử, vùng đất, con người và điểm đến du lịch đặc sắc của tỉnh Thanh Hóa đến bạn bè trong nước và quốc tế năm 2026; đa dạng hóa sản phẩm truyền thông đa nền tảng, bằng tiếng dân tộc và tiếng nước ngoài phù hợp.

- Tổ chức giáo dục, tìm hiểu về di sản văn hóa tại bảo tàng, di tích, trường học và trên môi trường điện tử; triển lãm, trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa, hình ảnh văn hóa và con người Thanh Hóa.

3.5. Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc

- Thực hiện bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia theo danh mục được cấp có thẩm quyền quyết định; ưu tiên nhiệm vụ tại Di sản thế giới Thành Nhà Hồ và các di tích trọng điểm do cấp tỉnh quản lý.

- Đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế cho người dân; bảo đảm cộng đồng là chủ thể tham gia, thụ hưởng và duy trì bền vững kết quả đầu tư.

3.6. Thúc đẩy phát triển văn học, nghệ thuật và các ngành công nghiệp văn hóa

Tổ chức hội thi, trại sáng tác, tạo nguồn kịch bản; tập huấn lý luận phê bình văn học nghệ thuật, quảng bá, phổ biến tác phẩm và thành tựu văn học, nghệ thuật có chất lượng cao. Ưu tiên các lớp bồi dưỡng, trại sáng tác, cuộc thi, hội thảo, tọa đàm về sáng tác văn học nghệ thuật trẻ nhằm thu hút tác giả trẻ tham gia, bồi dưỡng tài năng, xây dựng đội ngũ kế cận sự nghiệp văn học nghệ thuật.

3.7. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực văn hóa

- Mua sắm, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa; ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, đổi mới sáng tạo trong xây dựng thư viện số, số hóa di sản, số hóa dữ liệu thiết chế văn hóa và kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

- Xây dựng sản phẩm truyền thông số, cơ sở dữ liệu, kho học liệu và nội dung giáo dục di sản trên nền tảng số; tăng cường đăng ký bảo hộ, quản lý tài

sản trí tuệ, bảo đảm an toàn thông tin, bản quyền tác giả và khả năng khai thác, thương mại hóa lâu dài trên môi trường số.

3.8. Phát triển nguồn nhân lực và hội nhập quốc tế về văn hóa

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng trực tiếp quản lý và thực hiện Chương trình; chú trọng kỹ năng lập kế hoạch, quản lý đầu tư, quản lý tài chính, di sản, truyền thông và chuyển đổi số.

- Tìm kiếm, tuyển chọn, bồi dưỡng tài năng trẻ trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn; triển khai các nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực văn hóa.

- Tổ chức tuyên truyền, quảng bá về văn hóa, truyền thống lịch sử văn hóa, vùng đất, con người và điểm đến du lịch đặc sắc của tỉnh Thanh Hóa đến bạn bè trong nước và quốc tế giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đa nền tảng; tăng cường tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và lan tỏa giá trị văn hóa Việt Nam.

3.9. Quản lý, huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

- Thực hiện giao vốn, phân bổ chi tiết và tổ chức giải ngân đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung, định mức; không sử dụng vốn Chương trình cho nhiệm vụ không thuộc phạm vi hoặc nhiệm vụ đã được ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn khác.

- Ưu tiên bố trí vốn cho dự án chuyển tiếp, dự án hoàn thiện thủ tục, có mặt bằng và khả năng giải ngân; không bố trí vốn dàn trải, manh mún; hạn chế phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội hóa, tài trợ, đóng góp tự nguyện và lồng ghép với các chương trình, đề án khác; không huy động quá sức dân, không làm phát sinh nghĩa vụ đóng góp bắt buộc.

- Việc mua sắm, sửa chữa, đào tạo, truyền thông, hỗ trợ cộng đồng, sản xuất sản phẩm và thanh, quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện theo Thông tư số 75/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính và quy định pháp luật có liên quan.

3.10. Kiểm tra, giám sát, đánh giá, truyền thông và thi đua, khen thưởng

- Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với tiến độ, chất lượng, khối lượng, hồ sơ thủ tục, kết quả giải ngân và hiệu quả sử dụng vốn; kịp thời cảnh báo, xử lý hoặc đề xuất xử lý các sai phạm, chậm trễ. Định kỳ đánh giá hiệu quả khai thác, sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư từ Chương trình; kết quả đánh giá là một trong những căn cứ để xem xét, ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư trong các năm tiếp theo.

- Thực hiện công khai danh mục công trình, mức vốn, tiến độ, kết quả lựa chọn nhà thầu và kết quả thực hiện theo quy định; tạo điều kiện để Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Thanh tra nhân dân, Ban

Giám sát đầu tư của cộng đồng và Nhân dân tham gia giám sát. Kịp thời xem xét, giải quyết và thông tin kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị sau giám sát.

- Tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả năm 2026; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích, mô hình hiệu quả; phê bình, xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, đơn vị thiếu quyết liệt, để xảy ra thất thoát, lãng phí hoặc không hoàn thành nhiệm vụ.

III. NGUYÊN TẮC VÀ TRÌNH TỰ PHÂN BỐ, GIAO VỐN

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp căn cứ trên tổng nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình, gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, theo từng loại vốn; thực hiện nguyên tắc, tiêu chí, định mức tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND và các quy định hiện hành.

2. Đối với vốn đầu tư phát triển: chỉ bố trí vốn cho chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công có đủ điều kiện theo Luật Đầu tư công. Trường hợp phân bổ bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã, UBND cấp xã thực hiện giao chi tiết đến từng dự án sau khi bảo đảm đầy đủ điều kiện pháp lý và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Đối với kinh phí sự nghiệp: cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán chi tiết theo nội dung, định mức, chế độ chi hiện hành; việc giao dự toán thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, Thông tư số 75/2026/TT-BTC và quy định có liên quan.

4. Đối với phần vốn chưa đủ điều kiện phân bổ, giao chi tiết: các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương hoàn thiện hồ sơ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tổng hợp nhu cầu, phối hợp với Sở Tài chính rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét phân bổ, điều chỉnh theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Là cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình cấp tỉnh; chủ trì tham mưu chỉ đạo, điều phối, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì tổng hợp danh mục, nhu cầu; phối hợp Sở Tài chính xây dựng, rà soát phương án phân bổ vốn; kiểm tra việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thuộc phạm vi được giao; không đề xuất bố trí vốn cho nhiệm vụ chưa đủ điều kiện.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất; gửi báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Sở Nông nghiệp và Môi trường – Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Thanh Hóa để tổng hợp theo quy định; tham mưu báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính và cơ quan có thẩm quyền; tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện năm 2026.

2. Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật; phối hợp tham mưu giao, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện Chương trình theo quy định; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan lập dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công thực hiện Chương trình MTQG về phát triển văn hóa theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Theo chức năng của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh, phối hợp tổng hợp tình hình thực hiện các Chương trình MTQG; hướng dẫn, phối hợp chế độ báo cáo và xử lý các nội dung liên ngành theo quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

4. Sở Tư pháp

Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, địa phương liên quan trong công tác truyền thông, phổ biến pháp luật, tập huấn về văn hóa, hôn nhân và gia đình theo nội dung, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

5. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao nhiệm vụ

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và danh mục được cấp có thẩm quyền giao, xây dựng kế hoạch chi tiết; hoàn thiện hồ sơ; tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về tính hợp pháp, tiến độ, chất lượng, hiệu quả; thực hiện chế độ công khai, báo cáo và quyết toán theo quy định.

- Chủ động phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính và địa phương; bảo đảm không chồng chéo với nhiệm vụ thường xuyên hoặc chương trình, dự án khác.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ mức vốn và danh mục được giao, xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2026; lựa chọn công trình, nhiệm vụ theo đúng nguyên tắc, tiêu chí, đối tượng, thẩm quyền và thứ tự ưu tiên; chịu trách nhiệm về hồ sơ, thủ tục, tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

- Chủ động cân đối ngân sách cấp xã theo khả năng và phân cấp ngân sách để tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình; bố trí mặt bằng, nhân lực quản lý, vận hành; huy động nguồn lực hợp pháp, tổ chức lấy ý kiến cộng đồng, thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng và công khai kết quả. Việc xác định phần vốn đối ứng ngân sách địa phương của Chương trình thực hiện theo phương án được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Định kỳ trước ngày 20 của tháng cuối quý, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh; riêng báo cáo 6 tháng và báo cáo năm gửi trước ngày 10 của tháng cuối kỳ báo cáo.

7. Phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực XI

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ động phối hợp với Kho bạc Nhà nước khu vực XI (tỉnh Thanh Hóa) và Sở Tài chính trong việc trao đổi, cung cấp thông tin, số liệu về tình hình giải ngân vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật, phục vụ công tác tổng hợp, theo dõi, báo cáo UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện; chủ động nắm bắt, phản ánh kịp thời ý kiến, kiến nghị của Nhân dân; thực hiện giám sát, phản biện xã hội, giám sát đầu tư của cộng đồng đối với việc triển khai các nhiệm vụ, dự án, kịp thời phát hiện, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, bất cập; đồng thời hướng dẫn MTTQ cấp xã phát huy vai trò của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, nhất là trong giám sát các công trình văn hóa, thể thao được đầu tư trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2026. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi văn bản phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước khu vực XI;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, THĐT(Hình), KTTC(Trưởng), VHXXH(Điệp)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

PHỤ LỤC I: CƠ CẤU NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Loại vốn	NSTW giao	NSDP đối ứng tối thiểu	Nguồn NSDP đã bố trí/ phương án bố trí	Tổng nguồn NSNN tối thiểu	Mức xác định nguồn vốn cấp tỉnh theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND	Mức xác định nguồn vốn cấp xã theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND
1	Vốn đầu tư phát triển	297.597	89.279,1	Chưa bố trí trực tiếp trong Kế hoạch đầu tư công năm 2026; thực hiện điều chuyển vốn từ dự án chậm giải ngân theo quyết định của cấp có thẩm quyền	386.876,1	Dự kiến khoảng 77.375,22 triệu đồng (Thực hiện theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND; ưu tiên dự án đủ điều kiện, có khả năng giải ngân)	Dự kiến khoảng 309.500,88 triệu đồng (Thực hiện theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND; chỉ giao chi tiết cho dự án đủ điều kiện)
2	Kinh phí thường xuyên	112.944	33.883,2	Đã bố trí lồng ghép 101.061 triệu đồng cho các nhiệm vụ phát triển văn hóa khác; trong đó bảo đảm mức đối ứng tối thiểu theo quy định	146.827,2*	Dự kiến khoảng 29.365,44 triệu đồng (Thực hiện theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND và dự toán được cấp có thẩm quyền giao)	Dự kiến khoảng 117.461,76 triệu đồng (Thực hiện theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND và dự toán được cấp có thẩm quyền giao)
	TỔNG CỘNG	410.541	123.162,3	- Vốn đầu tư: bố trí qua điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2026; - Kinh phí thường xuyên: đã bố trí lồng ghép 101.061	533.703,3*		

Ghi chú:

- (1) Mức vốn đối ứng ngân sách địa phương tối thiểu bằng 30% vốn NSTW hỗ trợ, theo Điều 7 Quyết định số 41/2025/QĐ-TTg và ý kiến của Sở Tài chính.
- (2) Dấu (*) là tổng nguồn NSNN tối thiểu tính theo mức đối ứng bắt buộc; riêng kinh phí thường xuyên, ngân sách tỉnh đã bố trí lồng ghép 101.061 triệu đồng, cao hơn mức đối ứng tối thiểu 33.883,2 triệu đồng.
- (3) Tỷ lệ 20%-80% theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND được áp dụng khi xây dựng phương án phân bổ tổng nguồn NSNN thực hiện Chương trình theo từng loại vốn và theo quyết định của cấp có thẩm quyền; không phải mức giao vốn trực tiếp theo Kế hoạch này.

PHỤ LỤC II: DANH MỤC NHÓM NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nhóm nhiệm vụ	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Đơn vị thực hiện/chủ đầu tư	Cơ quan phối hợp	Nguồn kinh phí	Thời gian
1	Phát triển con người	Truyền thông, tập huấn về văn hóa ứng xử, đạo đức, lối sống, gia đình; triển khai hệ giá trị và quy tắc ứng xử	Sở VH TTDL	Sở VH TTDL hoặc đơn vị được giao dự toán	Sở Tư pháp, Sở Y tế, các đoàn thể, địa phương	Kinh phí thường xuyên NSTW; NSDP đối ứng/lồng ghép và nguồn hợp pháp khác	Năm 2026
2	Trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý, truyền thông, tài liệu, tập huấn về văn hóa, hôn nhân, gia đình cho nhóm yếu thế	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp hoặc đơn vị trực thuộc được giao dự toán	Sở VH TTDL, địa phương	Kinh phí thường xuyên NSTW; NSDP đối ứng/lồng ghép	Năm 2026
3	Thiết chế văn hóa cấp tỉnh	Đầu tư, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mua sắm thiết bị cho thiết chế văn hóa cấp tỉnh theo danh mục được phê duyệt	Cơ quan được cấp có thẩm quyền giao	Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng ngân sách được xác định trong quyết định giao vốn	Sở VH TTDL, Sở Tài chính và đơn vị liên quan	Vốn đầu tư phát triển (NSTW, NSDP đối ứng theo quyết định giao vốn); kinh phí sự nghiệp theo tính chất nhiệm vụ	Sau khi đủ điều kiện và được giao vốn
4	Thiết chế văn hóa cơ sở	Xây mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trung tâm VH-TT xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn/tổ dân phố, điểm vui chơi trẻ em; mua sắm thiết bị	UBND cấp xã	UBND cấp xã hoặc chủ đầu tư do cấp có thẩm quyền xác định	Sở VH TTDL, Sở Tài chính	Vốn đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp, NSDP và nguồn hợp pháp khác	Sau khi đủ điều kiện và được giao vốn
5	- Hoạt động văn hóa cơ sở do cấp	Văn hóa, văn nghệ quần chúng; câu lạc bộ; thể thao	Sở VH TTDL	Sở VH TTDL hoặc đơn vị được	Các cơ quan, đoàn thể, địa	Kinh phí thường xuyên NSTW; NSDP	Năm 2026

TT	Nhóm nhiệm vụ	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Đơn vị thực hiện/chủ đầu tư	Cơ quan phối hợp	Nguồn kinh phí	Thời gian
	tỉnh thực hiện	phong trào; truyền dạy di sản; Ngày hội văn hóa		giao dự toán	phương	đối ứng/lồng ghép và nguồn hợp pháp khác	
	- Hoạt động văn hóa cơ sở tại địa phương		UBND cấp xã	Đơn vị được giao dự toán	Các cơ quan, đoàn thể, địa phương		
6	Thông tin, tuyên truyền	Truyền thông, tuyên truyền Chương trình và quảng bá văn hóa	Sở VH TTDL	Sở VH TTDL hoặc đơn vị được giao dự toán	Các sở, ngành, địa phương	Kinh phí thường xuyên NSTW; NSDP đối ứng/lồng ghép	Năm 2026
		Sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình theo nhiệm vụ hoặc dự toán được giao	Báo và PTTH tỉnh	Báo và PTTH hoặc đơn vị được giao dự toán			
7	Di sản cấp tỉnh	Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích do cấp tỉnh quản lý; kiểm kê, tư liệu hóa, số hóa, lập hồ sơ di sản	Sở VH TTDL	Chủ đầu tư hoặc đơn vị sự nghiệp được giao	Sở Tài chính, địa phương, đơn vị liên quan	Vốn đầu tư phát triển (NSTW, NSDP đối ứng theo quyết định giao vốn); kinh phí sự nghiệp	Sau khi đủ điều kiện và được giao vốn
8	Di sản cấp xã	Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thuộc phạm vi quản lý cấp xã; bảo tồn làng, bản gắn du lịch cộng đồng	UBND cấp xã	UBND cấp xã hoặc chủ đầu tư được xác định	Sở VH TTDL và đơn vị liên quan	Vốn đầu tư phát triển; NSDP; nguồn hợp pháp khác	Sau khi đủ điều kiện và được giao vốn
9	Văn học, nghệ thuật	Hội thi, trại sáng tác, tạo nguồn kịch bản; lý luận phê bình; quảng bá tác phẩm; bồi dưỡng tác giả trẻ	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh	Sở VH TTDL và đơn vị liên quan	Kinh phí thường xuyên NSTW; NSDP đối ứng/lồng ghép và nguồn hợp pháp khác	Năm 2026

TT	Nhóm nhiệm vụ	Nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Đơn vị thực hiện/chủ đầu tư	Cơ quan phối hợp	Nguồn kinh phí	Thời gian
10	Công nghiệp văn hóa	Biểu diễn, không gian diễn trình, triển lãm; thống kê đóng góp ngành công nghiệp văn hóa	Sở VH TTDL	Sở VH TTDL hoặc đơn vị được giao dự toán	Cơ quan thống kê tỉnh và đơn vị liên quan	Kinh phí thường xuyên NSTW; NSDP đối ứng/lồng ghép và nguồn hợp pháp khác	Năm 2026
11	Chuyển đổi số	Hạ tầng CNTT; thư viện số; số hóa di sản, dữ liệu thiết chế; sản phẩm truyền thông số	Sở VH TTDL	Sở VH TTDL hoặc đơn vị được giao dự toán	Sở KH&CN, đơn vị liên quan	Vốn đầu tư/kinh phí sự nghiệp theo tính chất; nguồn hợp pháp khác	Năm 2026 và sau khi đủ điều kiện đối với mua sắm/đầu tư
		Số hóa di sản, dữ liệu thiết chế; sản phẩm truyền thông số	UBND cấp xã	UBND cấp xã hoặc chủ đầu tư được xác định			
12	Nguồn nhân lực	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức thực hiện Chương trình; bồi dưỡng tài năng trẻ	Sở VH TTDL	Đơn vị được giao dự toán	Các sở, ngành, địa phương	Kinh phí thường xuyên NSTW; NSDP đối ứng/lồng ghép	Năm 2026
13	Quản lý Chương trình	Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, báo cáo, đánh giá, sơ kết; truyền thông và nâng cao năng lực quản lý Chương trình	Sở VH TTDL	Sở VH TTDL hoặc đơn vị được giao	Sở Tài chính, Sở NN&MT, địa phương	Kinh phí thường xuyên NSTW; NSDP đối ứng/lồng ghép quản lý Chương trình	Năm 2026

PHỤ LỤC III: YÊU CẦU TIẾN ĐỘ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Thời gian
1	Ban hành, hoàn thiện văn bản triển khai	Sở VHTTDL	Ngay sau khi Kế hoạch được ban hành
2	Tham mưu cấp có thẩm quyền giao, điều chỉnh kế hoạch vốn, dự toán và danh mục nhiệm vụ theo quy định	Sở Tài chính phối hợp Sở VHTTDL	Sau khi đủ điều kiện và theo quyết định của cấp có thẩm quyền
3	Phê duyệt kế hoạch chi tiết, hồ sơ nhiệm vụ; hoàn thiện thủ tục đầu tư, mua sắm, lựa chọn nhà thầu	Các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã	Quý III/2026
4	Tổ chức thi công, mua sắm, đào tạo, truyền thông, bảo tồn, số hóa và các hoạt động sự nghiệp	Các chủ đầu tư, đơn vị sử dụng vốn	Quý III-IV/2026
5	Rà soát tiến độ, giải ngân; đề xuất điều chỉnh vốn đối với nhiệm vụ không có khả năng thực hiện	Sở VHTTDL, Sở Tài chính và đơn vị liên quan	Trước 30/9/2026 và theo mốc của cấp có thẩm quyền
6	Hoàn thành khối lượng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán; báo cáo kết quả	Các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã	Trước 31/12/2026, trừ trường hợp được phép kéo dài theo quy định
7	Tổng hợp, đánh giá, sơ kết thực hiện Chương trình năm 2026	Sở VHTTDL	Tháng 12/2026